

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 569/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 5 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé;
2. Ông Thái Văn Sơn .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lua - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu T, sinh năm: 1988 (Có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 32/24, đường số 464, tổ 6, ấp A, xã T, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Ngọc T, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 753 Tỉnh lộ 15, tổ 3, ấp B, xã N, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nộp ngày 03/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Trần Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Đinh Ngọc T tự nguyện xây dựng gia đình vào tháng 3 năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Cử Chi.

Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà chung sống bên gia đình chồng tại xã N, huyện Cử Chi, đời sống vợ chồng không được hạnh phúc, nguyên nhân do cả hai thường hay xảy ra cãi vã, bất đồng về vấn đề kinh tế trong gia đình, ông T có tật bại, gây ra nợ nần, bà và mẹ chồng có khuyên nhủ nhưng ông T không nghe, đến

tháng 6/2017 vì quá mệt mỏi bà đã bỏ về nhà cha mẹ sinh sống cho đến nay, hai bên cũng ly thân từ đó. Từ khi bà về nhà cha mẹ ruột, giữa bà và ông T không còn liên hệ hay quan tâm gì đến nhau, bà nhận thấy tình cảm không còn, hai bên cũng không ràng buộc về con chung nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn.

- Về con chung: Bà T trình bày không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có.

* Bị đơn là ông Đinh Ngọc T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 03/12/2018, bà Trần Thị Thu T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Đinh Ngọc T, con chung không có, tài sản chung và nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, ông T hiện cư trú tại số 753 Tỉnh lộ 15, tổ 3, ấp B, xã N, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Đinh Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông Tân theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Thu T và ông Đinh Ngọc T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, do Ủy ban nhân dân xã N, huyện Củ Chi cấp ngày 01/3/2017, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà T thì sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà chung sống bên nhà chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do trước khi kết hôn, hai bên không có quá trình tìm hiểu nhau kỹ càng, do đó khi về chung sống xảy ra nhiều bất hòa, dẫn đến cãi vã, nguyên nhân do ông T bài bạc gây ra nợ nần. Vợ chồng chung sống chỉ được 03 tháng thì bà về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Bà cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn.

Xét ông Đinh Ngọc T không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, điều đó cho thấy ông T không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà T, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do bà T cung cấp. Hiện bà T và ông T không còn chung sống cùng chung một địa chỉ, do đó Hội đồng

xét xử xét không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Thủy được ly hôn với ông T là có cơ sở.

-Về con chung: Bà T trình bày không có.

-Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà T trình bày không có.

-Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Thu T và ông Đinh Ngọc T.

Kể từ ngày 31/5/2019, Giấy chứng nhận kết hôn số 18, do Ủy ban nhân dân xã N, huyện Củ Chi cấp ngày 01/3/2017 cho bà Trần Thị Thu T và ông Đinh Ngọc T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Thu T trình bày không có.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu T trình bày không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thị Thu T trình bày không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số A/2017/0033971 ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Bà Trần Thị Thu T có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đinh Ngọc T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã N, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**